TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **752**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/03/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh T** – sinh năm 1978; Địa chỉ: 11/11 T, Phường BB, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Dãy D ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Anh K** – sinh năm 1988; Địa chỉ: 11/11 T, Phường BB, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Đỗ Anh K tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2011 ngày 15/02/2011 do Ủy ban nhân dân Phường BB, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi cưới cả hai về chung sống tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng bình thường được một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, mặc dù bà đã nhiều lần cố gắng tìm cách hòa giải nhưng không thu được kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà T xin ly hôn với ông K để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T khai cả hai có 02 con chung tên Đỗ Trần Uyên P – sinh ngày 20/5/2012 và Đỗ Phương U – sinh ngày 07/5/2016. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn – ông Đỗ Anh K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn không lên cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà T giữ nguyên ý kiến cũng như yêu cầu đã trình bày trước Tòa.

Bị đơn - ông K vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông K cư ngụ tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Toà án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2011 ngày 15/02/2011 do Ủy ban nhân dân Phường BB, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 175, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T có yêu cầu ly hôn với ông K. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà T trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông K có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không hạnh phúc, vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Bà T đã cố gắng tìm cách hòa giải nhưng không thu được kết quả. Toà án đã nhiều lần triệu tập ông K đến Toà để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông K không đến, cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa, chứng tỏ sự thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của bà T và ông K không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung tên Đỗ Trần Uyên P – sinh ngày 20/5/2012 và Đỗ Phương U – sinh ngày 07/5/2016. Bà T trình bày do con chung từ nhỏ đã sống cùng với bà và được bà trực tiếp chăm sóc nên bà yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét trẻ Uyên P có nguyện vọng được ở với mẹ, trẻ Phương U thì còn nhỏ lại đang chung sống ổn định với mẹ và chị; ông K vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông đối với việc bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông K.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, ông K vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp ông K có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Thanh T:*

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Đỗ Anh K.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Trần Uyên P – sinh ngày 20/5/2012 và Đỗ Phương U – sinh ngày 07/5/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông K do bà T không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà T và gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có. Trường hợp ông K có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác;

2. *Về án phí:*

Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số 0031018 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà T không phải nộp thêm án phí.

3. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Hiếu